TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Văn Sinh

Ông Phạm Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1987.

Số căn cước công dân: 086187002425

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* ông Phan Thành S, sinh năm 1983.

Số căn cước công dân: 086083011861

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long; nơi tạm trú: nhà trọ Nguyễn Thị H, tổ C, khu phố L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Phan Thành S tự nguyện chung sống và có tổ chức đám cưới vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới, bà D và ông Sơn S1 chung tại nhà của ông S khoảng 03 năm rồi hai vợ chồng ra ở riêng. Thời gian đầu thì cuộc sống tương đối hạnh phúc, tuy nhiên, khoảng năm 2019 thì bà D phát hiện ông S chơi cờ bạc, gây nợ nần khiến bà D phải trả nợ thay nhiều lần. Bà D nhiều lần khuyên can nhưng ông S không có sự thay đổi mà vẫn lo chơi cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Đến khoảng năm 2023 thì ông S bỏ lên tỉnh Bình Dương làm việc cho đến nay, ông S hoàn toàn không về thăm vợ, con, không có sự quan tâm, chăm sóc vợ con. Giữa bà D và ông S không có sự liên lạc, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phan Thành S.

Về con chung: Bà D và ông S có 02 con chung tên Phan Thành M, sinh ngày 14/9/2008 và Phan Thị Kim H1, sinh ngày 04/7/2010. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Cháu H1 và cháu M hiện đang sống chung với bà D tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Cháu M hiện đang học lớp 12 trường Trung học phổ thông T, tỉnh Vĩnh Long, cháu H1 hiện đang học lớp 10 trường Trung học phổ thông T, tỉnh Vĩnh Long.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phan Thành S nhưng ông S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phan Thành S vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Thành S và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Phan Thành S đang cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Phan Thành S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà D xác định bà D và ông S tự nguyện chung sống và có tổ chức đám cưới vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà D và ông S có 02 con chung tên Phan Thành M, sinh ngày 14/9/2008 và Phan Thị Kim H1, sinh ngày 04/7/2010. Qua kết quả trả lời về việc xác nhận kết quả cấp bản sao trích lục hộ tịch của UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long xác định không tìm thấy thông tin của bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1987 và ông Phan Thành S, sinh năm 1983 nên không có căn cứ để cấp bản sao. Ông S cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, ý kiến xác định giữa bà D và ông S có đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà D và ông S chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà D và ông S không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, việc bà D yêu cầu ly hôn với ông S là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông S có 02 con chung tên Phan Thành M, sinh ngày 14/9/2008 và Phan Thị Kim H1, sinh ngày 04/7/2010. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, cháu M và cháu H1 đều đang sống chung với bà D và có nguyện vọng được ở với bà D. Ông S cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên việc để bà D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà D phải nộp số tiền 300.000

đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 14, 15, 16, 51, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D đối với bị đơn ông Phan Thành S về việc ly hôn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D đối với bị đơn ông Phan Thành S về việc tranh chấp nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Phan Thành S.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Thành M, sinh ngày 14/9/2008 và Phan Thị Kim H1, sinh ngày 4/7/2010 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D được quyền trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008204 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Trung